TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 28-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoa;
2. Ông Nguyễn Ràng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương – Kiểm sát viên.

Từ ngày 21 đến ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Xuân Tr, sinh năm 1957 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Số X Trương Định, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B (Chết); con bà Phùng Thị X (Chết); vợ Hồ Thị Kh, sinh năm 1963, có ba con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019; có mặt.

2. Hồ Phúc Ng, sinh năm 1971 tại Tuy Phước, Bình Định; nơi cư trú: Số Y Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ng (Chết); con bà Phạm Thị D, sinh năm 1937; vợ Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Phúc Ng:* Ông Nguyễn Văn Ph, Luật sư Công ty Luật TNHH Khánh Hòa – Chi nhánh Ninh Hòa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Chi cục Thuế thị xã N;

Địa chỉ: O Nguyễn Thị Ngọc Oanh, tổ dân phố 9, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự*: Ông Nguyễn Th – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế thị xã N; có mặt.

- *Bị đơn dân sự:* Công ty TNHH khai thác khoáng sản T;

Địa chỉ: Thôn Phong Thạnh, xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự*: Ông Đoàn Xuân Tr, sinh năm: 1957 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (là bị cáo trong vụ án); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty Cổ phần Vật liệu H

Địa chỉ: Z Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Người đại diện hợp pháp:* Ông Lê L, sinh năm: 1984 – Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng ADC;

Địa chỉ: C Hai Bà Trưng, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;

- *Người đại diện hợp pháp:* Ông Đỗ Xuân H – Chức vụ: Tổng giám đốc; có mặt.

3. Bà Võ Thị Thục Đ, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Tổ 9, thôn Phú Nông, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

4. Ông Đoàn Hà Xuân V, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: X Trương Định, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

5. Ông Hồ Văn Ph, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: L đường 17, khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có trụ sở chính tại thôn Phong Thạnh, xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với 05 thành viên góp vốn gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn

tư vấn thiết kế xây dựng ADC, ông Đoàn Hà Xuân V, ông Đoàn Xuân Tr, ông Hồ Phúc Ng và ông Hồ Văn Ph. Ông Đoàn Xuân Tr là người đại diện theo pháp luật công ty, ông Hồ Phúc Ng là giám đốc điều hành công ty. Bà Võ Thị Thục Đ là người được ông Tr thuê làm kế toán, có nhiệm vụ giúp công ty đăng ký kê khai, báo cáo, nộp thuế khi đến niên hạn và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng khi có yêu cầu, nhưng không ký hợp đồng lao động.

Năm 2014, Công ty T ký kết với Công ty cổ phần vật liệu H (sau đây gọi tắt là Công ty H) địa chỉ: Z Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hợp đồng số 04/2014/HĐMB-VLHT ngày 10/02/2014 về "Mua bán vật liệu xây dựng thông thường" và hợp đồng số 45/2014/HĐMB-VLHT ngày 26/02/2014 về "Cung cấp vật liệu đá bê tông nhựa cho dự án mở rộng Quốc lộ 1A tỉnh Khánh Hòa" cùng một số hợp đồng khác. Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã xuất bán cho Công ty H một lượng lớn đá vật liệu, tuy nhiên Đoàn Xuân Tr và Hồ Phúc Ng đã bàn bạc và thống nhất chỉ đạo kế toán không xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khối lượng vật liệu đã xuất bán, đồng thời không kê khai nộp thuế đối với doanh thu phát sinh, cụ thể:

Năm 2015: Khối lượng, giá trị vật liệu đá Công ty T đã xuất bán cho Công ty H tổng giá trị 23.237.264.150 đồng nhưng chỉ xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị 14.076.918.180 đồng, không xuất hóa đơn và không đưa vào kê khai nộp thuế là 9.160.345.970 đồng.

Năm 2016: Khối lượng, giá trị vật liệu đá Công ty T đã xuất bán cho Công ty H tổng giá trị 3.682.815.150 đồng nhưng không xuất hóa đơn.

Theo Kết luận giám định về lĩnh vực thuế ngày 04/12/2017 của Cục thuế tỉnh K thì Công ty T có hành vi trốn thuế GTGT, thuế TNDN năm 2015 và thuế GTGT năm 2016 với số tiền trốn thuế là 1.363.424.192đ (Một tỷ ba trăm sáu ba triệu bốn trăm hai bốn ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

Trong quá trình điều tra Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hồ Phúc Ng tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 650.000.000 đồng, Đoàn Xuân Tr tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 50.000.000 đồng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-HS ngày 07/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Đoàn Xuân Tr và Hồ Phúc Ng về tội "*Trốn thuế*" theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, thấy rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Đoàn Xuân Tr xuất trình tài liệu về tiếp tục khắc phục hậu quả với số tiền 631.712.000đ (Sáu trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng).

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Phúc Ng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt đối với bị cáo Ng với luận cứ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Hồ Phúc Ng đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình; tích cực khắc phục hậu quả đã gây ra thể hiện qua việc bị cáo đã nhanh chóng tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Bị cáo Ng có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ổn định; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hiện nay bị cáo đang mắc bệnh thiếu máu não, tăng huyết áp (có hồ sơ khám chữa bệnh do Bệnh viện Sài Gòn – ITO Phú Nhuận cấp phát) do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Ng hưởng án treo.

Về tội danh, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và phần trách nhiệm dân sự không tranh luận gì.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Yêu cầu Công ty T phải nộp vào Ngân sách Nhà nước, tài khoản 7111 tại Kho bạc Nhà nước thị xã N số tiền trốn thuế là 1.363.424.192đ (Một tỷ ba trăm sáu ba triệu bốn trăm hai bốn ngàn một trăm chín mươi hai đồng) và tiền phạt chậm nộp tiền thuế theo mức 0,03%/ngày.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty H - ông Lê L trình bày: Yêu cầu Công ty T phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khối lượng hàng hóa đã xuất bán cho Công ty H theo hợp đồng số 04/2014/HĐMB-VLHT ngày 10/02/2014 và hợp đồng số 45/2014/HĐMB-VLHT ngày 26/02/2014 với số tiền là 12.843.161.120 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự trình bày: Đồng ý với sự tự nguyện của các bị cáo Tr, Ng nộp thay Công ty T số tiền 1.331.712.000đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng) và nhận trách nhiệm nộp số tiền thuế còn lại vào Ngân sách Nhà nước. Công ty T cũng cam kết sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khối lượng hàng hóa đã xuất bán cho Công ty H theo hợp đồng số 04/2014/HĐMB-VLHT ngày 10/02/2014 và hợp đồng số 45/2014/HĐMB-VLHT ngày 26/02/2014 với số tiền là 12.843.161.120 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù giam.

Đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng, mỗi bị cáo 50.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Công ty T phải nộp số tiền trốn thuế là 1.363.424.192đ (Một tỷ ba trăm sáu ba triệu bốn trăm hai bốn ngàn một trăm chín mươi hai đồng), chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo Tr, Ng nộp thay Công ty T số tiền 1.331.712.000đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng), Công ty T còn phải nộp 31.712.192đ (Ba mươi mốt triệu

bảy trăm mười hai ngàn một trăm chín mươi hai đồng). Nguyên đơn dân sự còn yêu cầu Công ty T phải trả tiền phạt chậm nộp tiền thuế theo mức 0,03%/ngày tuy nhiên yêu cầu này là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của Công ty H về việc yêu cầu Công ty T phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khối lượng đá vật liệu đã xuất bán cho Công ty H nhưng chưa xuất hóa đơn, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Công ty T đồng ý xuất hóa đơn theo yêu cầu của Công ty H nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng án treo để có điều kiện làm việc khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Như vậy các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Thục Đ, ông Đoàn Hà Xuân V, ông Hồ Văn Ph, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Kết luận giám định của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong các năm 2015, 2016 các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng đã bàn bạc và chỉ đạo kế toán của Công ty T không xuất hóa đơn giá trị gia tăng và không đưa vào kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khối lượng, giá trị vật liệu đá đã xuất bán cho Công ty H với tổng số tiền

trốn thuế là: 1.363.424.192 đồng (trong đó thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2015 là: 1.028.622.815 đồng, thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm 2016 là: 334.352.733 đồng). Hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 3 Điều 108 Luật Quản lý Thuế. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết luận các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng đã phạm tội "*Trốn thuế*", tội danh và khung hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Đoàn Xuân Tr sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; khắc phục hậu quả đã gây ra thể hiện qua việc bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 681.712.000đ (Sáu trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa để khắc phục hậu quả; bị cáo Tr có bằng khen của Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Hồ Phúc Ng đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình; tích cực khắc phục hậu quả đã gây ra thể hiện qua việc bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Hiện nay bị cáo đang mắc bệnh thiếu máu não, tăng huyết áp (có hồ sơ khám chữa bệnh do Bệnh viện Sài Gòn – ITO Phú Nhuận cấp phát) do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về vai trò và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, đều có vai trò thực hành. Bị cáo Đoàn Xuân Tr là Chủ tịch hội đồng thành viên và người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành và quyết định mọi hoạt động của Công ty, là người khởi xướng và trực tiếp chỉ đạo kế toán không xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Hồ Phúc Ng là Tổng giám đốc kiêm phụ trách tài chính của Công ty tuy nhiên trong vụ án này bị cáo chỉ giữ vai trò thứ yếu. Do đó, cần xử phạt bị cáo Tr mức án cao hơn bị cáo Ng khi quyết định hình phạt

Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định về quản lý thuế; gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, gây ảnh hưởng đến hoạt động lành mạnh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế và gây nên sự tiêu cực về nhiều mặt trong đời sống xã hội. Bản thân các bị cáo mặc dù thấy được hậu quả của việc trốn thuế, nhận thức được sự nghiêm khắc của pháp luật khi phát hiện có hành vi trốn thuế, tuy nhiên vì mục đích lợi nhuận đã cố ý không xuất hóa đơn giá trị gia tăng nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết

định mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội

[6] Về căn cứ quyết định hình phạt: Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng xử phạt các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng tội "*Trốn thuế*" từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù giam là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nơi làm việc ổn định; tại phiên tòa bị cáo Tr xuất trình Bằng khen của Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam, bị cáo Ng đang mắc bệnh thiếu máu não, tăng huyết áp (có hồ sơ khám chữa bệnh do Bệnh viện Sài Gòn – ITO Phú Nhuận cấp phát) nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho hưởng án treo là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo; căn cứ khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bổ sung đối với bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng mỗi bị cáo 50.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Công ty T thuộc loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, theo quy định tại Điều 8 của Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Luật Doanh nghiệp quy định: Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Công ty T được hưởng lợi từ việc phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, đối với số tiền trốn thuế 1.363.424.192đ (Một tỷ ba trăm sáu ba triệu bốn trăm hai bốn ngàn một trăm chín hai đồng) buộc Công ty T có nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước. Các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng đã tự nguyện nộp thay cho Công ty T 1.331.712.000đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng). Vì vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo. Còn lại số tiền 31.712.192đ (Ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn một trăm chín mươi hai đồng) buộc Công ty T có nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước. Chi cục Thuế thị xã N yêu cầu Công ty T nộp số tiền trốn thuế vào Ngân sách Nhà nước tài khoản số 7111 tại Kho bạc Nhà nước thị xã N là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với số tiền các bị cáo đã nộp thay Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T, nếu sau này các bị cáo yêu cầu trả lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với yêu cầu nộp tiền phạt chậm nộp tiền thuế theo mức 0,03%/ngày của đại diện hợp pháp nguyên đơn dân sự thì tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và được hướng dẫn tại khoản 6 Điều 13 Thông tư 116/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định:

"6. Các hành vi trốn thuế, gian lận thuế bị xử phạt quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này còn bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế trốn, gian lận vào ngân sách nhà nước là số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước, nhưng không phải nộp tiền chậm nộp tiền thuế đối với số thuế trốn, số thuế gian lận.

Số tiền thuế trốn, gian lận là số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật mà người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xác định trong biên bản, kết luận kiểm tra, thanh tra."

Vì vậy, yêu cầu nộp tiền phạt chậm nộp tiền thuế theo mức 0,03%/ngày là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với yêu cầu của người đại diện hợp pháp của Công ty H yêu cầu Công ty T phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khối lượng hàng hóa đã xuất bán cho Công ty H theo hợp đồng số 04/2014/HĐMB-VLHT ngày 10/02/2014 và hợp đồng số 45/2014/HĐMB-VLHT ngày 26/02/2014 với tổng số tiền là 12.843.161.120 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Công ty T cũng đồng ý với yêu cầu của Công ty H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị đơn dân sự Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền chưa khắc phục trước khi mở phiên tòa là 63.424.192 đồng theo quy định của pháp luật.

[10] Kiến nghị: Trong vụ án này, quá trình điều tra còn phát hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế ADC không xuất hóa đơn đối với phần đá nguyên liệu đã xuất bán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T và không kê khai nộp thuế đối với phần doanh thu phát sinh theo hợp đồng cung cấp độc quyền đá nguyên liệu tại Mỏ đá H. Hành vi này có dấu hiệu của tội "Trốn thuế" nên kiến nghị Chi cục Thuế thành phố N, Cục Thuế tỉnh K tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế; kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N tiến hành xác minh, điều tra theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 47 Luật doanh nghiệp năm 2014:

Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử phạt: Bị cáo Đoàn Xuân Tr 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn Xuân Tr cho Ủy ban nhân dân phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Phúc Ng 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hồ Phúc Ng cho Ủy ban nhân dân phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng mỗi bị cáo 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T phải nộp 1.363.424.192đ (Một tỷ ba trăm sáu ba triệu bốn trăm hai bốn ngàn một trăm chín hai đồng) tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước tài khoản số 7111 tại Kho bạc Nhà nước thị xã N, tỉnh K nhưng được trừ số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Hồ Phúc Ng đã nộp thay Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T theo Giấy nộp tiền vào tài khoản tạm giữ số 39490905828500000 của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa tại Kho bạc nhà nước thị xã N lập ngày 25 tháng 3 năm 2019 và số tiền 681.712.000đ (Sáu trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng) bị cáo Đoàn Xuân Tr đã nộp thay Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T theo các Giấy nộp tiền vào tài khoản tạm giữ số 394901046797000000 của Chi cục Thi hành án thị xã N tại Kho bạc nhà nước thị xã N lập vào các ngày 10/5/2019, 19/6/2019, 09/7/2019, 01/8/2019, 26/8/2019. Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T còn phải nộp 31.712.192đ (Ba mươi mốt triệu bảy trăm mười hai ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với khối lượng hàng hóa đã xuất bán cho Công ty cổ phần vật liệu H theo hợp đồng số 04/2014/HĐMB-VLHT ngày 10/02/2014 và hợp đồng số 45/2014/HĐMB-VLHT ngày 26/02/2014 với tổng số tiền là 12.843.161.120đ (Mười hai tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm hai mươi đồng).

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Đoàn Xuân Tr, Hồ Phúc Ng mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác khoáng sản T phải nộp 3.171.000đ (Ba triệu một trăm bảy mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- CQ CSĐT Công an thị xã Ninh Hòa;
- CQ THAHS Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Thịnh